

Bản án số: **02/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 02/02/2018

V/v: "**Xin ly hôn**"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Điền**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Công Chủ**

2. Bà **Phạm Thị Kiềm**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Chung**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc:* Ông **Lê Văn Chung**
– Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 269/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "**Xin ly hôn**".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24/01/2018, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Hứa Bích T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: T10, kp2, thị trấn AT, huyện PQ, Kiên Giang

* **Bị đơn:** Anh **Võ Hùng E**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 10, kp 2, thị trấn AT, huyện PQ, Kiên Giang

(Chị T và anh E có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Hứa Bích T trình bày:

Năm 2009 chị và anh Hùng E tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm với nhau nữa, anh Hùng E còn nhiều lần đánh đập, hành hung chị nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2016 đến nay.

Nay xét thấy giữa anh chị không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Hùng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung tên Võ Như Y, sinh ngày 06/6/2012 và Võ Thành Đ, sinh ngày 08/4/2015. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Hùng E cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Hùng E trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị T do giữa anh chị không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung tên Võ Như Y, sinh ngày 06/6/2012 và Võ Thành Đ, sinh ngày 08/4/2015. Trước đây anh có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Như Y đến tuổi trưởng thành. Anh đồng ý giao cháu Võ Thành Đ cho chị T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/01/2018, anh Hùng E đồng ý giao hai con chung tên Võ Như Y và Võ Thành Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T và anh Hùng E.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009 chị T và anh Hùng E tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Tại các lời khai chị T khẳng định không còn tình cảm với anh Hùng E nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Hùng E.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung tên Võ Như Y, sinh ngày 06/6/2012 và Võ Thành Đ, sinh ngày 08/4/2015. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Hùng E phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/01/2018, anh Hùng E đồng ý giao hai con chung tên Võ Như Y và Võ Thành Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa anh chị là phù hợp theo quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh Hùng E xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hứa Bích T và anh Võ Hùng E.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Võ Như Y, sinh ngày 06/6/2012 và Võ Thành Đ, sinh ngày 08/4/2015 cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hùng E không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị T.

Anh Hùng E có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con chị T, anh Hùng E có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006248 ngày 05/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ. Chị T không phải nộp thêm. Anh Hùng E không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Chị T, anh Hùng E vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Điền